TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST

Ngày 15 tháng 11 năm 2018

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh và bà Đặng Thị Việt Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Mai Thị T - Sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

1.2. Ông Trịnh Xuân G – Sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

1.3. Bà Mai Thị N – Sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Ông G, bà N ủy quyền cho bà Mai Thị T tham gia tố tụng tại Tòa án, bà T có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị B - Sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2018, các bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và lời khai tại phiên tòa, đồng nguyên đơn bà Mai Thị T, ông Trịnh Xuân G, bà Mai Thị N trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:*

Do có mối quan hệ gia đình anh em ruột thịt với nhau giữa ông Trịnh Xuân G và ông Trịnh Văn Đ nên vào ngày 27/01/2017 (tức ngày 30/12/2016 âm lịch), bà Trịnh Thị B và anh Trịnh Xuân Đ (là vợ và con ông Đ) đến nhà bà T hỏi vay số tiền 45.000.000 đồng, anh Đ là người viết giấy vay nợ giúp bà B, bà B là người nhận tiền. Sau đó, vài ngày bà B lại vay bà T 09 chỉ vàng loại vàng 9999 (số vàng này bà T vay của con gái là Trịnh Thị T để cho bà B vay, nay chị T chưa đòi bà số vàng này và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bà T không có ý kiến gì), việc vay mượn này bà T có thông báo cho ông G (chồng bà T) biết. Tiếp đến tháng 02/2017, bà B đến nhà bà T vay tiền thì gặp bà Mai Thị N (em gái bà T) ở đó nên bà B đã hỏi vay của bà N số tiền 15.000.000 đồng, bà N đồng ý cho vay và bà B đã nhận tiền. Sau lần vay này, bà T yêu cầu bà B phải viết lại giấy vay nợ vào một tờ giấy, trong đó thể hiện nội dung: "Ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị B, anh Trịnh Văn Đ vay của bác Trịnh Văn G, vợ là Mai Thị T tổng toàn bộ số tiền viết bằng chữ là bốn mươi lăm triệu đồng chẵn; vay của cháu T là chín chỉ vàng; anh Trịnh Văn Đ, chị Trịnh Thị B vay của cô Mai Thị N số tiền là mười lăm triệu đồng chẵn". Tờ giấy vay nợ do anh Trịnh Xuân Đ viết vay 45.000.000 đồng ban đầu, bà T đã hủy đi. Bà T và bà B có thỏa thuận miệng với nhau về mức lãi suất của khoản vay 45.000.000 đồng là 1,3% tháng, khoản vay vàng thỏa thuận lãi suất dao động từ 150.000 đồng đến 400.000 đồng/9 chỉ/1 tháng; bà N và bà B thỏa thuận lãi suất khoản vay 15.000.000 đồng là 1,5%/1 tháng. Ngoài ra bà T, bà N và bà B còn thỏa thuận khi nào muốn lấy tiền thì thông báo trước với bà B 01 tháng, bà B sẽ thu xếp trả. Bà B đã trả lãi hàng tháng từ

khi vay đến hết tháng 7/2017 thì bà B không trả lãi nữa. Do bà T, bà N cần tiền nên nhiều lần yêu cầu bà B phải trả nợ gốc cho bà T, bà N nhưng bà B không trả được.

Bà T xác định, việc bà B vay tiền số tiền 45.000.000 đồng ban đầu, anh Trịnh Xuân Đ (con trai bà B) có viết giấy vay nợ cho bà B, nhưng việc anh Đ có sử dụng số tiền này hay không bà không biết. Tuy nhiên, bà B thừa nhận đây là khoản nợ riêng của bà B, không liên quan đến anh Đ, ông Trịnh Văn Đ, chị Hoàng Thị T (chồng, con của bà B) và nhận trách nhiệm trả nợ riêng toàn bộ số nợ nên bà T đồng ý.

Do bà Trịnh Thị B không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận nên vợ chồng ông G, bà T và bà N yêu cầu bà Trịnh Thị B phải trả cho bà T và ông G số tiền 45.000.000 đồng và 09 chỉ vàng (loại vàng 9999) quy đổi ra bằng tiền tại thời điểm giải quyết vụ án. Yêu cầu bà Trịnh Thị B phải trả cho bà Mai Thị N số tiền 15.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu bà Trịnh Thị B phải trả lãi trong thời gian từ tháng 8/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

* *Tại các biên bản lấy lời khai và các tài liệu, chứng cứ đã xuất trình tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa, bà Trịnh Thị B trình bày:*

Bà B và bà T là chị em dâu với nhau nên trong khoảng tháng 01, tháng 02 năm 2017, bà B vay của bà T số tiền 45.000.000 đồng và 09 chỉ vàng loại 9999; vay bà N số tiền 15.000.000 đồng. Giữa bà B với bà T, bà N có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất số tiền vay là 1,5%/tháng, lãi suất của khoản vay vàng là 50.000 đồng/1 chỉ/ 1 tháng. Hàng tháng bà B vẫn trả lãi cho bà T, bà N nhưng từ tháng 8/2017 cho đến nay bà bị vỡ nợ nên đã không trả lãi đối với các khoản vay của bà T, bà N nữa. Nay ông G, bà T, bà N chỉ yêu cầu bà trả nợ gốc các khoản nợ trên mà không yêu cầu trả lãi từ tháng 8/2017 cho đến khi Tòa án xét xử bà đồng ý. Bà B không có ý kiến hay tranh chấp gì về việc bà đã trả lãi cho bà T, bà N từ khi vay cho đến hết tháng 7/2017. Bà B xác nhận chữ viết trong giấy vay tiền do bà T xuất trình là chữ viết của bà. Khi vay số tiền 45.000.000 đồng của bà T có con trai bà là Trịnh Xuân Đ chứng kiến, viết giấy vay hộ nhưng anh Đ không sử dụng, không liên quan đến số nợ này. Việc bà vay tiền, vàng của ông G, bà T và bà N là do một mình đứng lên vay và sử dụng số

tiền đó, không liên quan gì đến ông Trịnh Văn Đ, anh Trịnh Xuân Đ, chị Hoàng Thị T. Bà B xác nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng, tuy nhiên, bà B đề nghị: Do hoàn cảnh bà đang vỡ nợ, nhà cửa phải bán hết, vợ chồng bà đang đi ở nhờ nhà người khác, không còn tài sản gì đáng giá để trả nợ nên bà B đề nghị ông Trịnh Xuân G, bà Mai Thị T, bà Mai Thị N cho bà lùi thời hạn trả nợ đến năm 2020.

Ông Phạm Như K có đơn từ chối tham gia tố tụng trong vụ án, bởi việc bà Mai Thị N (vợ ông K) cho bà B vay tiền như nào ông không biết và số tiền đó là tài sản riêng bà của bà N nên ông không liên quan.

Ông Trịnh Văn Đ, anh Trịnh Xuân Đ, chị Hoàng Thị T có lời khai đề nghị từ chối tham gia tố tụng trong vụ án, bởi việc bà B vay nợ của ông bà T, bà N là vay để sử dụng riêng, ông Đ, anh Đ, chị T không liên quan đến việc vay mượn này.

Chị Trịnh Thị T có đơn từ chối tham gia tố tụng trong vụ án, bởi việc chị T cho bà T vay 09 chỉ vàng 9999 là việc riêng của chị với bà T, nên việc bà T cho bà B vay lại số vàng này chị không liên quan. Hiện tại, chị T chưa yêu cầu bà T phải trả cho chị số vàng này.

Theo thông báo giá vàng số 01 của Công ty cổ phần trung tâm vàng bạc đá quý AJC Thái Bình, thì giá vàng ngày 15/11/2018 như sau: Loại vàng 9999, có giá bán ra là 3.490.000 đồng/1 chỉ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa về giải quyết vụ án dân sự:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu đòi nợ của vợ chồng ông G, bà T và bà N đối với bà B. Đối với số tiền lãi các bên đã thỏa thuận, nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về nghĩa vụ nộp án phí: Áp dụng 24, 26, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung giấy vay tiền ngày 27/01/2017 mà các bên đã thừa nhận, thể hiện bà B vay bà T, ông G số tiền 45.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 9999; vay bà N 15.000.000 đồng, bà B vẫn chưa trả. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Bị đơn trong vụ án là bà Trịnh Thị B cư trú tại thành phố Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

[2] Về việc xác định tư cách tố tụng của đương sự trong vụ án: Bà T và ông G là vợ chồng, việc bà T cho bà B vay tiền, vàng ông G đều biết nên xác định khoản tiền, vàng cho bà B vay là tài sản chung của hai ông bà. Do vậy, xác định tư cách tố tụng, bà T, ông G, bà N là nguyên đơn, bà Trịnh Thị B là bị đơn. Theo thông báo thụ lý vụ án và thông báo đưa thêm người tham gia tố tụng xác định anh Trịnh Xuân Đ (con trai bà B) là bị đơn, xác định ông Phạm Như K (chồng bà N), ông Trịnh Văn Đ (chồng bà B), chị Trịnh Thị T (con gái bà T), chị Hoàng Thị T (con dâu bà B) là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, quá trình lấy lời khai đã xác định việc bà B vay tiền, vàng của ông G, bà T và bà N những người này không biết, không liên quan và họ đều có văn bản từ chối tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án không đưa ông K, ông Đ, chị T, anh Đ và chị T2 tham gia tố tụng tại phiên tòa.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi nợ gốc: Tại phiên tòa bà T và bà B đều thừa nhận, bà T, ông G đã cho bà B vay 45.000.000 đồng

và 09 chỉ vàng 9999, bà Mai Thị N đã cho bà B vay 15.000.000 đồng. Bà B đã viết giấy vay nợ đối với cả ba khoản vay nói trên. Bà T và bà B thỏa thuận miệng với nhau, khi nào bà T, bà N yêu cầu trả nợ thì thông báo cho bà B trước một tháng, bà B sẽ thu xếp trả. Tuy nhiên, từ tháng 8/2017, bà B không trả được lãi nên bà T, bà N đã nhiều lần yêu cầu bà B trả nợ gốc nhưng đến thời điểm hiện tại bà B vẫn không trả được khoản nợ này. Do vậy, xác định bà Trịnh Thị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ông G, bà T, bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông G, bà T và bà N là có căn cứ chấp nhận nên buộc bà Trịnh Thị B phải trả cho bà Mai Thị N số tiền 15.000.000 đồng; trả cho ông G và bà T số tiền 45.000.000 đồng và giá trị 09 chỉ vàng 9999 quy đổi bằng tiền là: 9 chỉ x 3.490.000 đồng = 31.410.000 đồng, tổng số tiền bà B phải thanh toán cho ông G và bà T là 76.410.000 đồng.

2.2. Về lãi suất: Khi vay tài sản hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất, tuy lời khai về mức lãi suất, số tiền lãi của bà T, bà N và bà B khác nhau nhưng cả hai bên đều không có tranh chấp gì về số tiền lãi đã thanh toán cho nhau nên không đặt ra giải quyết. Bà T không yêu cầu bà B phải trả lãi cho bà từ tháng 8/2017 đến khi Tòa án xét xử vụ án, bà B cũng nhất trí với quan điểm này của bà T. Xét thấy việc bà T không yêu cầu bà B phải thanh toán tiền lãi nói trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Bà Trịnh Thị B có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 91.410.000 đồng x 5% = 4.570.500 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại bà Mai Thị T và bà Mai Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 351, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân G, bà Mai Thị T và bà Mai Thị N.

2. Buộc bà Trịnh Thị B phải trả cho ông Trịnh Xuân G và bà Mai Thị T số tiền 76.410.000 đồng; trả cho bà Mai Thị N số tiền 15.000.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trịnh Xuân G, bà Mai Thị T, bà Mai Thị N về việc không yêu cầu bà Trịnh Thị B phải thanh toán tiền lãi từ tháng 8/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, hàng tháng bà Trịnh Thị B còn phải trả tiền lãi cho ông Trịnh Xuân G, bà Mai Thị T, bà Mai Thị N theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền còn phải thanh toán cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị B phải nộp 4.570.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Mai Thị T và bà Mai Thị N 2.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006982 ngày 16/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Mai Thị T, bà Trịnh Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/11/2018). Ông Trịnh Xuân G, bà Mai Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *VKSND TP. Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP. Thái Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà